

Bản án số: 21/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 07/01/2020

V/v Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhoán;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Lan;

2. Ông Nguyễn Thành Lân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Ngọc Lữ – thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Thanh Thành - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 01 năm 2020 tại Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 779/2019/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2019 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 177/2019/QĐXX-ST ngày 09 tháng 12 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Vũ Minh L, sinh năm 1974. Địa chỉ: Đường D, Phường F, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

2. Bị đơn: Ông Trần Anh Đ, sinh năm 1969. Địa chỉ: Đường D, Phường F, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn bà Vũ Minh L trình bày:

Bà Vũ Minh L và ông Trần Anh Đ tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 60, quyền số 01/2000 ngày 18/9/2000 do Ủy ban nhân dân phường T, thành phố H cấp. Sau khi kết hôn vợ chồng sống không hạnh phúc, phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do cả hai không tìm được tiếng nói chung, bất đồng quan điểm, vợ chồng sống chung nhà nhưng mỗi người một phòng hơn 06 năm, từ năm 2016 đến nay không quan hệ vợ chồng nên cả hai thống nhất yêu cầu thuận tình ly hôn. Khi Tòa án tiến hành hòa giải việc thuận tình ly hôn, ông Đ thay đổi ý kiến không đồng ý ly hôn nhưng bà vẫn kiên quyết xin ly hôn do ông Đ gia trưởng, không để ý cảm nhận của bà, thiếu quan tâm, tôn trọng bà, cuộc sống chung rất căng thẳng và ngột ngạt. Bà và ông Đ đã tìm rất nhiều biện pháp để hàn gắn nhưng không có kết quả, do không còn tình cảm, sống chung không hạnh phúc nên bà yêu cầu ly hôn ông Đ để ổn định cuộc sống.

Về con chung có 03 con chung tên: Trần Vũ Minh A, sinh ngày 22/7/2001, đã thành niên không yêu cầu giải quyết; Trần Vũ Minh M, sinh ngày 21/8/2009 và Trần Anh Minh V, sinh ngày 17/3/2012. Bà L yêu cầu cho bà trực tiếp nuôi Trần Vũ Minh M, giao cho ông Đ trực tiếp nuôi Trần Anh Minh V, việc cấp dưỡng nuôi con do hai bên tự thỏa thuận.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận.

Về nợ chung: Không có.

- Bị đơn ông Trần Anh Đ trình bày: Ông có quá trình đăng ký kết hôn như bà L trình bày. Trong lúc nóng giận ông có ký đơn thuận tình ly hôn với bà L. Ông xác định lại là không muốn ly hôn, muốn rút đơn để hàn gắn tình cảm vợ chồng vì ông còn rất thương vợ và muốn cho con có một gia đình hạnh phúc có đủ cả cha và mẹ. Trong thời gian vừa qua, ông đã cố gắng rất nhiều, muốn nhìn nhận lại bản thân, ông đã cố gắng sắp xếp lại công việc để có nhiều thời gian hơn cho gia đình. Chỉ cần vợ ông bình tĩnh, cảm nhận hết những gì ông làm, mở lòng thì gia đình vẫn hạnh phúc.

Tại phiên tòa:

- Bà L vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn, về tài sản chung và nợ chung. Về con chung bà yêu cầu trực tiếp nuôi hai con chung Minh Minh và Minh Vũ, không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con.

- Ông Đ xin được đoàn tụ để vợ chồng cùng nhau lo cho con, ông hứa sẽ quan tâm, chia sẻ với vợ nhiều hơn. Bà L trình bày đã ly thân hơn 06 năm là không đúng. Vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ tháng 11/2016 do bà L “say nắng”, vợ chồng lạnh nhạt với nhau, ít nói chuyện với nhau. Trường hợp phải ly hôn, ông yêu cầu được nuôi hai con, không yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Không có. Về nợ riêng: Hiện ông làm giám đốc công ty TNHH 03 thành viên, trong quá trình kinh doanh ông có vay một số tiền để đầu tư vào công ty nhưng ông xác định là khoản nợ riêng của cá nhân ông, không liên quan đến bà L, không yêu cầu bà L có trách nhiệm trả nợ chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình phát biểu:

- Về tố tụng: Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền, xác định đúng tư cách pháp lý của những người tham gia tố tụng, quan hệ pháp luật tranh chấp. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm như: Nguyên tắc xét xử, thành phần Hội đồng xét xử, sự có mặt của các thành viên Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa, sự có mặt của những người tham gia tố tụng tại phiên tòa.

- Về nội dung: Căn cứ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa đã đủ cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Bà L được quyền ly hôn với ông Đ; bà L được trực tiếp nuôi 02 con chung chưa thành niên, không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung: Tự thỏa thuận, nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Ngày 15/8/2019, Tòa án thụ lý việc dân sự về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, chia tài sản khi ly hôn”. Tòa án hòa giải đoàn tụ không thành, ông Đ thay đổi ý kiến không đồng ý ly hôn, bà L kiên quyết ly hôn nên Tòa án thụ lý thành vụ án để giải quyết theo qui định tại khoản 5 điều 397 Bộ luật tố tụng dân sự nên xác định quan hệ tranh chấp là “Ly hôn, tranh chấp nuôi con, chia tài sản chung khi ly hôn”.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Bà Vũ Minh L có đơn yêu cầu ly hôn với ông Trần Anh Đ, địa chỉ: 111/9 Trần Văn Dư, Phường 13, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 60, quyền số 01/2000 ngày 18/9/2000 do Ủy ban nhân dân phường Thuận Thành, thành phố Huế cấp thì quan hệ hôn nhân giữa bà Vũ Minh L với ông Trần Anh Đ là hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Xét yêu cầu ly hôn của bà L đối với ông Đ: Bà L trình bày do ông Đ gia trưởng, không để ý cảm nhận của bà, thiếu quan tâm, tôn trọng bà, cuộc sống chung rất căng thẳng và ngột ngạt, do không còn tình cảm, sống chung không hạnh phúc nên bà yêu cầu ly hôn ông Đ để ổn định cuộc sống. Phía ông Đ không đồng ý ly hôn vì ông còn rất thương vợ và muốn cho con có một gia đình hạnh phúc có đủ cả cha và mẹ.

Qua lời trình bày của các đương sự Hội đồng xét xử xét thấy: Ông Đ muốn đoàn tụ nhưng ông Đ cũng thừa nhận giữa vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, sống lạnh nhạt với nhau, ít nói chuyện với nhau từ năm 2016 đến nay. Từ khi Tòa án thụ lý đến nay, ông Đ cũng không có biện pháp gì hàn gắn, tình trạng hôn nhân giữa bà L và ông Đ không cải thiện cho thấy mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình 2014, chấp nhận yêu cầu của bà Vũ Minh L xin ly hôn với ông Trần Anh Đ.

[4] Về con chung và mức cấp dưỡng nuôi con: Trường hợp phải ly hôn cả bà L và ông Đ đều yêu cầu được trực tiếp nuôi Trần Vũ Minh M và Trần Anh Minh V, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Xét yêu cầu của bà L và đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình đề nghị giao bà L trực tiếp nuôi hai con chung, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, Hội đồng xét xử xét thấy: Trần Vũ Minh M là bé gái có nguyện vọng ở với mẹ, còn Trần Anh Minh V là bé trai và có nguyện vọng ở với ba nên Hội đồng xét xử giao bà L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục Trần Vũ Minh M, giao cho ông Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục Trần Anh Minh V là phù hợp với nguyện vọng của trẻ và đảm bảo sự phát triển toàn diện của trẻ, ổn định về sinh hoạt, tâm lý và sức khỏe cho trẻ. Về cấp dưỡng nuôi con cả bà L và ông Đ không yêu cầu cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Bà L và ông Đ thống nhất tự thỏa thuận nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Nợ chung: Bà L và ông Đ khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ riêng: Ông Đ có vay một số tiền để đầu tư vào công ty TNHH 03 thành viên do ông làm giám đốc nhưng ông xác định là khoản nợ riêng của cá nhân ông, không liên quan đến bà L, không yêu cầu bà L có trách nhiệm trả nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét và đưa vào phần quyết định.

[7] Về án phí: Theo Khoản 5, 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bà Vũ Minh L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 273; Điều 280, Khoản 5 Điều 397 của Bộ luật Tổ tụng Dân sự năm 2015; các Điều 56, 58, 59, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); điểm a khoản 5; điểm đ, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Hội đồng xét xử Quyết định:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Vũ Minh L:

- Về hôn nhân: Bà Vũ Minh L được ly hôn ông Trần Anh Đ.

- Về con chung: Trần Vũ Minh A, sinh ngày 22/7/2001, đã thành niên nên không xem xét giải quyết; giao cho bà L trực tiếp nuôi con chung Trần Vũ Minh M, sinh ngày 21/8/2009; giao cho ông Đ trực tiếp nuôi con chung Trần Anh Minh V, sinh ngày 17/3/2012; bà L và ông Đ không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con lẫn nhau.

Khi có lý do chính đáng mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân gia đình 2014 Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận.

- Về nợ chung: Không có.

2. Về án phí: Bà L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) được trừ vào tạm ứng án phí do bà L đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0039327 ngày 04/11/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình.

3. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Bà L và ông Đ có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND quận Tân Bình;
- Chi cục THADS quận Tân Bình;
- Các đương sự;
- Lưu: Văn phòng, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Nhoán